TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 04/2023/DS - ST
Ngày 28 tháng 02 năm 2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Bùi Văn Tám.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Khổng Thị Phú Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2022/TLST – DS ngày 20 tháng 5 năm 2022, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 và ông Trần Quang D, sinh năm 1971; đều cư trú tại: Thôn L 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn L 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 25/5/2022).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; nơi cư trú: L 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Ông Vũ Trường G; sinh năm 1984; địa chỉ: Số nhà 39, phố Phan Văn T, Khu Đô Thị H, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày ngày 27/5/2022).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1983; đều cư trú tại: L 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Có mặt bà H; vắng mặt ông G, ông Q).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 5 năm 2022, trong quá trình xét xử bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang D là nguyên đơn đã thống nhất trình bày như sau:

Do ông bà và vợ chồng chị Nguyễn Thị N, anh Trần Văn Q là người cùng thôn với nhau nên ngày 22/6/2021, chị N đến hỏi ông bà cho vợ chồng chị N, anh Q vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để làm ăn. Đến ngày 22/02/2022, chị N tiếp tục đến hỏi ông bà cho vợ chồng chị vay thêm số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) nữa để kinh doanh. Chị N là người trực tiếp nhận tiền và ghi giấy nhận nợ đối với ông bà đồng thời hẹn sau 07 ngày thì sẽ trả nợ cho ông bà đầy đủ. Do ông bà tin tưởng chị N nên ông bà không yêu cầu anh Q là chồng của chị N phải trực tiếp đến nhà ông bà nhận tiền vay và ký giấy vay tiền cùng với chị N, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Tổng hai lần ông bà cho vợ chồng chị N vay số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Quá thời hạn trả nợ, ông bà không thấy vợ chồng chị N đem tiền đến trả nợ cho ông bà theo đúng thỏa thuận ghi trong giấy vay tiền nên nhiều lần ông bà đã đến nhà chị N, anh Q để đòi nợ. Tuy nhiên, vợ chồng chị N chỉ khất nợ đối với ông bà chứ không trả nợ tiền cho ông bà. Do vợ chồng chị N, anh Q không trả nợ cho ông bà nên ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị N và anh Q phải trả nợ cho ông bà tổng số tiền ông bà đã cho vay là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng), ông bà tự nguyện không tính lãi suất.

Sau khi ông bà khởi kiện, ông bà phát hiện chị N, anh Q có hành vi chuyển nhượng thửa đất số 869, tờ bản đồ số 17, diện tích 125m^2 có địa chỉ tại thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên chị N anh Q cho người khác nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với khoản nợ của ông bà nên ông bà đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với khối tài sản trên của anh Q chị N. Ngày 26/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2022/QĐ – BPKCTT đối với thửa đất số 869 của anh Q chị N theo quy định.

Ngày 14/8/2022, chị N đã tự nguyện trả nợ cho ông bà được số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) nên số tiền chị N còn nợ lại ông bà là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án bà H xác định, toàn bộ số tiền ông bà đưa cho chị N vay là khoản nợ riêng của chị N không liên quan gì đến anh Q. Bởi khi ông bà cho chị N vay tiền, ông bà trực tiếp giao tiền cho chị N và tự chị N viết giấy vay tiền để lại cho ông bà với nội dung là vợ chồng chị N anh Q vay tiền của ông bà để lừa ông bà, thực tế anh Q không đến nhà ông bà hỏi vay tiền bao giờ. Vì thế, ông bà xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của mình, ông bà yêu cầu Tòa án buộc chị N là người phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông bà ngay toàn bộ số tiền 550.000.000đ. Đối với yêu cầu đòi nợ anh Q, ông bà tự nguyện

xin rút và không yêu cầu nữa. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện trên của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc gì.

Tại phiên tòa, bà H tự nguyện đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2022/QĐ – BPKCTT ngày 26/5/2022 đối với thửa đất số 869, tờ bản đồ số 17, diện tích 125m^2 có địa chỉ tại thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên anh Q chị N.

Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa, bà H tự nguyện xin chịu toàn bộ chi phí tố tụng về việc, định giá đối với thửa đất 869 của vợ chồng chị N trước khi Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ông Vũ Trường G là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và chị Nguyễn Thị N là bị đơn đã thống nhất trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về số tiền vay, số tiền đã trả và số tiền còn nợ của chị N đối với vợ chồng ông D bà H, chị N xác định đúng như lời trình bày ở trên của bà H.

Ông G và chị N khẳng định, số tiền chị N vay nợ của vợ chồng bà H là khoản tiền nợ riêng của chị N không liên quan gì đến anh Q (là chồng chị N). Lý do chị N ghi nội dung "vợ chồng Hạnh Q có vay tiền của vợ chồng bà H" vào trong giấy vay tiền của mình để lại cho vợ chồng bà H giữ là do, bà H bắt chị N phải ghi nội dung như vậy thì vợ chồng bà H mới cho chị N vay tiền. Thời điểm đó, chị N đang cần tiền để giải quyết công việc làm ăn riêng của mình nên chị phải ghi như trên để vợ chồng bà H cho chị vay tiền, thực chất khoản nợ này không liên quan gì đến anh Q. Nay vợ chồng bà H yêu cầu một mình chị N có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà H toàn bộ số tiền còn nợ là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng), không tính lãi suất đồng thời thay đổi yêu cầu đòi nợ đối với anh Q, chị N đồng ý. Tuy nhiên, hiện tại chị N đang khó khăn về tài chính nên chị N xin được trả nợ dần cho vợ chồng ông D bà H số tiền nợ trên làm nhiều lần.

Tòa án đã lấy lời khai của anh Trần Văn A là em trai ruột của anh Q và là người nhận chuyển nhượng thửa đất 869 của vợ chồng anh Q chị Hanh. Anh A trình bày:

Anh là người nhận chuyển nhượng thửa đất 869 của vợ chồng anh Q chị N với giá 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng), hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng và anh đã thanh toán cho vợ chồng anh Q đủ số tiền trên. Đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển nhượng thửa đất 869 thì bị dừng lại bởi Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2022/QĐ – BPKCTT ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh A xác định, việc vay nợ giữa vợ chồng bà H với chị N diễn ra như thế nào thì anh Q là anh trai của anh không biết. Toàn bộ khoản nợ của chị N đối với vợ chồng bà H là khoản nợ riêng của chị N, anh Q không liên quan gì. Anh và anh Q có biết Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với

khối tài sản của vợ chồng anh Q chị N tại thửa đất 869, tuy nhiên anh Q và anh không ai có ý kiến đề nghị gì đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án. Anh yêu cầu chị N phải giải quyết dứt điểm công nợ đối với vợ chồng bà H để anh hoàn tất thủ tục chuyển nhượng thửa đất 869 theo quy định. Anh từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án đối với vụ án giữa vợ chồng bà H và chị N.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Trần Văn Q nhiều lần nhưng anh Q vẫn vắng mặt không đến trụ sở làm việc nên Tòa án không thể lấy được lời khai của anh Q.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa như sau:

- Đối với phần thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Toà án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Anh Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho những người trên nên Kiểm sát viên không có kiến nghị gì.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các điều 463, 466 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang D và bà Nguyễn Thị H. Buộc chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông D bà H số tiền còn nợ là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông D bà H có đơn đề nghị thi hành án đối với số tiền chị N phải thi hành án; nếu chị N chưa trả nợ, thì hàng tháng chị N còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành án xong.

- Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ quy định tại Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2022/QĐ – BPKCTT ngày 26/5/2022. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) trong tài khoản phong tỏa số: 42510000454427 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 2 Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc, chịu toàn bộ chi phí tố tụng định giá tài sản trước khi Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Ông Trần Quang D và bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn Q trả nợ số tiền gốc là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền đề ngày 22/6/2021và ngày 22/02/2022 thời hạn trả nợ theo thỏa thuận là 07 ngày, kể từ ngày 22/02/2022. Do vậy cần xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Chị N, anh Q đang trú tại thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Theo đơn khởi kiện của bà H, ông D thì tư cách tố tụng của anh Trần Văn Q được xác định là bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bà H ông D đã xin thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình, không yêu cầu Tòa án buộc anh Q phải trả nợ cùng với chị N nữa nhưng Tòa án đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất số 869, tờ bản đồ số 17, diện tích 125m^2 có địa chỉ tại thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên anh Q và chị N để đảm bảo việc thi hành án. Khối tài sản bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ở trên được xác định là tài sản chung của anh Q và chị N nên Hội đồng xét xử thay đổi tư cách tham gia tố tụng của anh Q từ bị đơn sang người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với anh Trần Văn A là người nhận chuyển nhượng thửa đất 869 của vợ chồng anh Q chị N. Quá trình giải quyết vụ án, anh A có biết việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất 869 của vợ chồng anh Q chị N để đảm bảo việc thi hành án nhưng anh A không có ý kiến đề nghị gì và từ chối tham gia tố tụng đối với vụ án này. Tại phiên tòa, bà H đề nghị hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất 869 của vợ chồng anh Q chị N nên Hội đồng xét xử không đưa anh A tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Đối với yêu cầu xin thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của của bà H thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, chị N còn nợ vợ chồng bà H số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng), khoản nợ này được xác định

là khoản nợ riêng của chị N không phải là khoản nợ chung của vợ chồng chị N, anh Q. Cả bà H và chị N đều thừa nhận, việc vay nợ giữa vợ chồng bà H và chị N anh Q không biết và không có liên quan gì do vậy, nguyên đơn đã tự nguyện xin thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của mình đề nghị Tòa án buộc chị N phải trả nợ cho nguyên đơn toàn bộ số tiền đang nợ trên. Xét thấy, việc thay đổi của nguyên đơn ở trên phù hợp với quy định pháp luật, phản ánh đúng sự thật của vụ án và không làm thay đổi, vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn nên cần chấp nhận để xem xét giải quyết.

- Ông Trần Văn Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Q.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị N và anh Q phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 700.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, chị N đã trả nợ cho nguyên đơn được 150.000.000đ. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định, số tiền nguyên đơn cho chị N vay là tiền nợ riêng của chị N không liên quan đến anh Q. Tại 02 giấy vay tiền vào các ngày 22/6/2021và ngày 22/02/2022, bên người vay tiền chỉ có một mình chữ ký của chị N. Giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được với nhau, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, chị N còn nợ vợ chồng bà H tổng số tiền là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc chị N phải trả nợ cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ trên và tự nguyện không tính lãi suất. Chị N đồng ý.

Như vậy, căn cứ vào lời khai của bà H, chị N và anh A có đủ cơ sở để khẳng định, khoản tiền vợ chồng bà H cho chị N vay vào các ngày 22/6/2021và ngày 22/02/2022 là khoản nợ riêng của chị N không phải là nợ chung của chị N, anh Q. Ông D bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị N phải trả nợ cho ông bà số tiền còn nợ 550.000.000đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Về lãi suất: Do nguyên đơn, tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc của bị đơn nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, buộc chị Nguyễn Thị N phải trả nợ cho ông D bà H số tiền nợ gốc 550.000.000đ, không có lãi suất.

[3]. Về biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Theo như đơn khởi kiện ban đầu, vợ chồng bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Q chị N phải trả nợ cho ông bà tổng số tiền vay là 700.000.000đ, đồng thời có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp

tạm thời đối với khối tài sản chung của anh Q, chị N tại thửa đất số 869, tờ bản đồ số 17, diện tích 125m^2 có địa chỉ tại thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (gọi tắt là thửa đất 869). Kèm theo đơn yêu cầu, vợ chồng bà H gửi tài liệu chứng cứ xác định thửa đất 869 của vợ chồng chị N đang làm thủ tục chuyển nhượng sang cho anh Trần Văn A (em trai ruột anh Q). Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu. Xét thấy, thửa đất 869 là tài sản chung của vợ chồng anh Q và chị N và là tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ thi hành án của anh Q chị N sau này đang có dấu hiệu chuyển nhượng cho người khác nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên ngày 26/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2022/QĐ – BPKCTT phong tỏa thửa đất số 869 của anh Q, chị N theo đơn yêu cầu của vợ chồng bà H, ông D. Quá trình giải quyết vụ án, chị N đã trả nợ cho vợ chồng bà H được 150.000.000đ. Số tiền đang nợ vợ chồng bà H, cả bà H và chị N đều xác định là khoản nợ riêng của chị N nên vợ chồng bà H đã thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với anh Q, chị N. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà H, buộc chị N phải trả nợ cho vợ chồng bà H số tiền 550.000.000đ. Khối tài sản tại thửa đất 869 được xác định là tài sản chung của anh Q, chị N, nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền đang còn nợ vợ chồng bà H là của một mình chị N. Tại phiên tòa, bà H có đơn đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất 869 của anh Q và chị N. Xét thấy, việc bà H xin hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với thửa đất 869 là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 112 và điểm e khoản 1 Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ quy định tại Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2022/QĐ – BPKCTT ngày 26/5/2022. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) trong tài khoản phong tỏa số: 42510000454427 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 2 Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa, bà H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng về việc định giá tài sản trước khi Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Xét thấy, bà H xin chịu toàn bộ chi phí tố tụng về việc định giá tài sản là tự nguyện, phù hợp với quy định của Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần ghi nhận sự tự nguyện trên.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí

Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền được Tòa án chấp nhận theo công thức 20.000. 000đ + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000đ = 20.000.000đ + (550.000.000đ – 400.000.000đ) x 4% = 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng).

Vì vậy, quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên./.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; các điều 147, 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang D và bà Nguyễn Thị H. Buộc chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông D bà H tổng số tiền nợ gốc là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông D bà H có đơn đề nghị Cơ quan thi hành án, thi hành đối với số tiền chị N phải thi hành án; nếu chị N chưa trả nợ, thì hàng tháng chị N còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành án xong.

2/ Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ quy định tại Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2022/QĐ – BPKCTT ngày 26/5/2022. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) trong tài khoản phong tỏa số: 42510000454427 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 2 Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3/ Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H về việc, nguyên đơn chịu toàn bộ chi phí tố tụng về việc định giá tài sản trước khi Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Quang D và bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả 8.000.000đ (Tám triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số: 0001278 ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đương sự có mặt, có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HSVA; Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh